

# Yerba Buena High School

## 2022 Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường



### Thông tin chung về Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường (SARC)

#### Tổng quan



Theo luật tiểu bang, trước ngày 1 tháng Hai hàng năm, tất cả trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học (SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường học công lập tại tiểu bang California. Theo Công thức Tài trợ cho việc Kiểm soát tại Địa phương (LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (LEA) phải chuẩn bị một Kế hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm Giải trình tại Địa phương (LCAP) mô tả phương thức để các trường đạt được các mục tiêu dự định hàng năm cụ thể cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và xem các báo cáo của năm trước, vui lòng truy cập trang web của Sở Giáo Dục California (California Department of Education – CDE) tại <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.

Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, xem Trang Mạng về LCFF của CDE <https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>

Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng học khu.

#### DataQuest



DataQuest là một công cụ trực tuyến trên DataQuest của CDE tại <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> có thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với học khu và quận. trang Web Cụ thể thì DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh).

#### Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California



Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California (Bảng Thông Tin) <https://www.caschooldashboard.org/> nêu chi tiết về trách nhiệm và chủ trương không ngừng cải thiện chất lượng đồng thời cung cấp các thông tin về cách thức mà các LEA và các trường đáp ứng được nhu cầu của tất cả học viên. Bảng Thông Tin có cả các báo cáo về hiệu quả hoạt động của các LEA, các trường và các nhóm học viên dựa trên các tham số cấp địa phương và cấp tiểu bang nhằm hỗ trợ nhận biết các điểm mạnh, thách thức và điểm yếu cần khắc phục.

#### Truy cập Internet

Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng máy trạm (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên máy trạm, và khả năng in tài liệu.

## Thông tin liên hệ của nhà trường năm học 2022 – 2023

<b>Tên Trường</b>	Yerba Buena High School (Trường Trung học Phổ thông Yerba Buena)
<b>Đường</b>	1855 Lucretia Avenue
<b>Thành phố, Tiểu bang, Mã số Zip</b>	San Jose, CA 95122
<b>Số điện thoại</b>	408-347-4710
<b>Hiệu trưởng</b>	Mary N. Pollett
<b>Địa chỉ Email</b>	pollettm@esuhsd.org
<b>Trang web của Trường</b>	<a href="http://yerbabuena.esuhsd.org">http://yerbabuena.esuhsd.org</a>
<b>Mã Học khu của Quận (CDS)</b>	43694274330015

## Thông tin liên hệ của học khu năm học 2022-23

<b>Tên Học khu</b>	East Side Union High School District (Học Khu Trung Học Phổ Thông East Side Union)
<b>Số điện thoại</b>	(408) 347-5000
<b>Giám đốc</b>	Glenn Vander Zee
<b>Địa chỉ Email</b>	vanderzeeg@esuhsd.org
<b>Website Học khu</b>	www.esuhsd.org

## Tổng quan trường học năm học 2022-23

Yerba Buena High School tự hào về sự gắn kết của đội ngũ nhân viên với học sinh và gia đình các em. Mục tiêu của chúng tôi là đảm bảo rằng tất cả học sinh tốt nghiệp đều vững bước trên con đường học tập và sự nghiệp. Nhà trường có các chương trình dành cho học sinh ở mọi cấp độ để hỗ trợ các em thành công về mặt học tập, sức khỏe, xã hội và cảm xúc. Yerba Buena High School có đội ngũ nhân viên năng động, quan tâm chăm sóc, sẵn sàng mạo hiểm và làm việc chăm chỉ để đảm bảo mọi học sinh đều thành công. Trong những năm qua, Yerba Buena đã làm tốt hơn cả mong đợi, thể hiện rõ qua tất cả những chỉ số đo sự thành công về học tập. Chúng tôi tự hào với văn hoá hoà nhập, khuyến khích khả năng tiếp cận mở đến các lớp học Bồi dưỡng Nâng cao (AP) cùng những biện pháp hỗ trợ và bảo vệ để bảo đảm thành công. Nhà trường có 50 khoá AP cho hơn 16 môn học. Tỷ lệ Tốt nghiệp của Nhóm Học sinh Năm 4 là 96.3%. Tất cả học sinh khối 9, 10 đều làm thử bài Kiểm tra Năng lực Học tập (SAT), học sinh lớp 11, 12 đều thi SAT mà không phải tốn bất cứ chi phí gì. Chúng tôi là đơn vị nhận Giải thưởng Hoffman and Poster, Giải thưởng CSBA Golden Bell, Giải thưởng Bold Steps for Children, Giải thưởng Project Cornerstone Assets' Champion Caring High School. Chúng tôi có đội ngũ giáo viên giàu kinh nghiệm và có trình độ cao, với trung bình 10 năm kinh nghiệm đứng lớp. Chúng tôi có một tòa nhà hội sinh viên tối tân, mới, mang phong cách đại học.-----

## Giới thiệu về Trường

### Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022 – 2023

Cấp lớp	Số Học sinh
Lớp 9	456
Lớp 10	377
Lớp 11	473
Lớp 12	392
Tổng Ghi danh	1,698

### Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022-23

Nhóm Học sinh	Phần trăm trong Tổng Ghi danh
Nữ	48.6
Nam	51.4
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người	0.1
Người gốc Châu Á	42.3
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc	0.9
Người Phi Luật Tân	4.9
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La	48.4
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo	0.3
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng	1.4
Người Da trắng	1.7
Sinh viên nói tiếng anh	25.6
Những đứa con nuôi	0.2
Vô gia cư	1.3
Nhập cư	0.1
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội	65.4
Học sinh khuyết tật	10.5

## A. Điều kiện Học tập

### Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt.

## Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2020 – 2021

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)	59.60	83.56	943.40	83.36	228366.10	83.12
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	2.50	3.50	29.90	2.65	4205.90	1.53
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	3.70	5.31	71.80	6.35	11216.70	4.08
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	1.10	1.56	25.50	2.25	12115.80	4.41
Không xác định	4.30	6.04	60.90	5.39	18854.30	6.86
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	<b>71.30</b>	<b>100.00</b>	<b>1131.80</b>	<b>100.00</b>	<b>274759.10</b>	<b>100.00</b>

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

## Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2021 – 2022

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)						
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp						
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)						
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)						
Không xác định						
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>						

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

**Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (được xem là “không hiệu quả” theo ESSA)**

Ủy quyền/bổ nhiệm	2020-21	2021-22
Giấy phép và Chứng nhận miễn trừ	0.00	
Bổ nhiệm sai	3.70	
Các vị trí còn trống	0.00	
<b>Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai</b>	<b>3.70</b>	

**Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (được xem là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA)**

Chỉ báo	2020-21	2021-22
Giáo viên có chứng chỉ được ủy quyền trên Giấy phép hoặc Chứng nhận	0.00	
Tùy chọn phân công nội bộ	1.10	
<b>Tổng số giáo viên ngoài chuyên môn</b>	<b>1.10</b>	

**Phân công lớp học năm học 2021 – 2022**

Chỉ báo	2020-21	2021-22
<b>Bổ nhiệm sai cho Học sinh học Anh ngữ</b> (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp có học sinh Anh ngữ do giáo viên không đúng chuyên môn giảng dạy)	6.90	
<b>Không có chứng chỉ, giấy phép hoặc ủy quyền để giảng dạy</b> (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp do giáo viên không có hồ sơ về giấy phép giảng dạy đứng lớp)	14.20	

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo trang web Cập nhật Định nghĩa Vốn chủ sở hữu của Giáo viên tại <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>

**Chất lượng, tình trạng cập nhật, tình trạng sẵn có của sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy khác**

Yerba Buena High School sử dụng sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy đã được Ủy ban Chính sách Giảng dạy (IPC) của chúng tôi phê duyệt và thông qua. Các học liệu này chủ yếu hỗ trợ trực tiếp việc giảng dạy dựa trên tiêu chuẩn, phù hợp với việc giảng dạy cốt lõi chung.

Tháng, năm thu thập dữ liệu: November 2022

Môn học	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/Năm Phê chuẩn	Từ Đợt Phê chuẩn Gần nhất?	Phần trăm Học sinh Không Có Sách Được Chỉ định Riêng
<b>Độc/Ngôn ngữ</b>	Tiếng Anh 1 – “Ngôn ngữ Văn học” Lớp 9, McDougal Littell 2002 Tiếng Anh 2 – “Ngôn ngữ Văn học” Lớp 10, McDougal Littell 2002	Có	0%

	<p>Tiếng Anh 3 – Góc nhìn của tôi: Văn học Mỹ//Pearson  ERWC (Tiếng Anh 4) – Khoá Đọc Viết Văn thuyết minh 2021  AP Thành phần và Ngôn ngữ – Độc giả Norton  AP Thành phần và Ngôn ngữ – Nhập môn Văn học</p>		
<b>Toán</b>	<p>Tiêu chuẩn Tiểu bang Kiến thức Cốt lõi Chung (CCSS) Toán 1 – “Ý tưởng Lớn Toán học Tích hợp I”, Big Ideas Learning, LLC 2016  CCSS Toán 2 – “Ý tưởng Lớn Toán học Tích hợp II”, Big Ideas Learning, LLC 2016  CCSS Toán 3 – “Ý tưởng Lớn Toán học Tích hợp III”, Big Ideas Learning, LLC 2016  Giải tích Toán học – “Giải tích sơ bộ với các giới hạn, Một cách tiếp cận bằng đồ thị 8e” Cengage Learning 2020, 2015  AP Giải tích AB – “Giải tích 11e” Cengage Learning 2018, 2014  AP Giải tích BC – “Giải tích 11e” Cengage Learning 2018, 2014  AP Số Liệu Thống Kê – Luyện tập Số liệu Thống kê, Bản cập nhật lần thứ 6: BFW; 2020  Khám phá Khoa học máy tính – ECS: Khám phá Khoa học máy tính; Joanna Goode, Gail Chapman 2016  AP Khoa học máy tính A – Tài liệu trực tuyến  Suy luận Toán học qua Các mối quan hệ – tài liệu về MRWC do trường Đại học Tiểu bang California (CSU) cung cấp</p>	Có	0%
<b>Khoa học</b>	<p>Tiêu chuẩn Khoa học cho Thế hệ tiếp (NGSS) cho môn Sinh học – Trái đất Sống – Sách điện tử CK-12  NGSS Hóa học trong Hệ thống Trái đất – Sách điện tử CK-12  NGSS Vật lý Vũ trụ – Sách điện tử CK-12  Khoa học Pháp y – Giới thiệu thực hành về khoa học pháp y, 2014  AP Khoa học Môi trường – Sống trong Môi trường – Miller/Spoonman – Cengage 2015  AP Hóa học – Hóa học – bộ môn Khoa học Trung tâm – Brown &amp; Lemay  Sinh lý học – Giải phẫu và Sinh lý học căn bản của Hole, McGraw Hill, 2002  Sinh học Biển – Khoa học Biển – AMSCO 2004  Trái đất sống Cơ bản – Sách điện tử CK-12  Khoa học Vật lý Cơ bản – Sách điện tử CK-12</p>	Có	0%
<b>Lịch sử-Khoa học Xã hội</b>	<p>Lịch sử Thế giới – “Lịch Sử Thế Giới Hiện Đại” McDougal-Littell 2003  Lịch sử Mỹ – “Tầm nhìn nước Mỹ” Glencoe/McGraw Hill 2006  Chính quyền Hoa kỳ – “Chính phủ đang sống! Quyền lực, Chính trị và Quý vị” TCI 2014  Kinh tế học – “Kinh tế học đang sống! Quyền được chọn” TCI 2015  AP Lịch sử Thế giới – “Trái đất và Con người Phiên bản AP” Cengage Learning 2018  AP Lịch sử Mỹ – “Lịch sử Mỹ cho Khóa học AP” Bedford 2014  AP Chính phủ – “Chính phủ ở nước Mỹ” Pearson Learning 2014  AP Kinh tế Vĩ mô/Vĩ mô – “Kinh tế học (AP)” McGraw Hill 2014</p>	Có	0%

	AP Địa lý Con người – AP Địa lý Con người – “Địa lý Con người cho Khóa học AP” 2022 AP Tâm lý học – “Tâm lý học AP” Worth 2015		
<b>Ngoại ngữ</b>	Sách giáo khoa và Tài liệu giảng dạy của nhà trường theo chuẩn và được áp dụng chính thức	Có	0%
<b>Giáo dục Sức khỏe</b>	Sách giáo khoa và Tài liệu giảng dạy của nhà trường theo chuẩn và được áp dụng chính thức	Có	0%
<b>Nghệ thuật Hình Ảnh và Trình Diễn</b>	Sách giáo khoa và Tài liệu giảng dạy của nhà trường theo chuẩn và được áp dụng chính thức	Có	0%
<b>Dụng Cụ tại Phòng Thí Nghiệm Khoa Học (lớp 9-12)</b>	Phòng thí nghiệm khoa học được trang bị đầy đủ.	Có	0%

## Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

### Tổng quan

Học khu nỗ lực để đảm bảo rằng tất cả trường học đều sạch sẽ, an toàn và hoạt động bình thường. Để hỗ trợ nỗ lực này, Học khu sử dụng một công cụ khảo sát cơ sở vật chất được State of California Office of Public School Construction (Văn phòng Xây dựng trường công lập của Tiểu bang California) xây dựng. Kết quả của cuộc khảo sát có sẵn ở văn phòng nhà trường và văn phòng học khu.

### Quy trình và Lịch Vệ sinh

Hội đồng Chương quản của học khu đã thông qua tiêu chuẩn vệ sinh cho toàn bộ trường học trong học khu. Hàng ngày, bộ phận Lãnh đạo làm việc với nhân viên giám hộ của Yerba Buena (YB) để xây dựng lịch vệ sinh nhằm bảo đảm giữ gìn vệ sinh và an toàn cho trường học.

### Ngân sách Bảo trì Trì hoãn

Học khu tham gia Chương trình Bảo trì Trì hoãn cho Trường học của Tiểu bang, cấp quỹ đối ứng cấp tiểu bang trên cơ sở từng đồng, để hỗ trợ chi phí cho các học khu bảo trì hoặc thay mới đáng kể các cấu phần của tòa nhà trong trường hiện có. Thông thường, điều này bao gồm phần mái nhà, hệ thống ống nước, sửa âm, điều hoà không khí, điện, sơn nội thất hoặc ngoại thất và hệ thống sàn nhà.

### Thời gian đi vào hoạt động của các tòa nhà trong trường

Yerba Buena High School đã hoạt động được 46 năm. Cả bốn tòa nhà chính có phòng học đã được cải tạo trong 10 năm qua.

Mới đây, Yerba Buena đã hoàn thiện tòa nhà hội sinh viên độc đáo mang phong cách đại học. Được ca ngợi là “tòa nhà đẹp nhất” khu phía đông, tòa nhà hội sinh viên của Yerba Buena High School (YBHS) mang lại cho học sinh một môi trường thực tế, chuyên nghiệp và theo đúng không khí trường đại học.

### Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất:

Tháng Mười năm 2022

Hệ Thống Được Kiểm Tra	Tốc độ Tốt	Tốc độ Bình thường	Tốc độ Không Tốt	Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện
<b>Hệ thống:</b> Rò rỉ Ga, Cơ khí/Hệ thống Sưởi, thông gió và điều hòa không khí (HVAC), Cống rãnh	X			
<b>Bên trong:</b> Các Bề Mặt Bên trong		X		Số lượng lớn các tấm trần và che chắn đèn cần được thay mới, một vài hư hỏng trên tường cần được sửa chữa

## Tình Trạng Cơ Sờ Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

<b>Sạch Sẻ:</b> Sự Sạch Sẻ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/Sâu Mọt	X		Một vài phòng lộn xộn ở nhà hát
<b>Điện</b>		X	Bóng đèn và nắp ổ cắm cần được thay mới, 3 ổ cắm trong tổng số 650 ổ cần phải kiểm tra điện
<b>Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy:</b> Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/Vòi Nước Máy	X		
<b>Bảo vệ:</b> An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm		X	Số lượng lớn dải nguồn và dây nối dài được dùng để lấy điện, thiếu một bình cứu hỏa ở phòng thể dục, có thấy một số chất tẩy rửa
<b>Cấu Trúc:</b> Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	X		
<b>Bên Ngoài:</b> Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cổng/Hàng Rào	X		

## Tỷ lệ cơ sở vật chất tổng thể

Hoàn hảo	Tốt	Bình thường	Không Tốt
	X		



## B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

### Ưu tiên của Tiểu bang: Ưu tiên của Tiểu bang

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

#### Các đánh giá của tiểu bang

(tức là, Hệ Thống Thẩm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thẩm Định Thay Thế của California [CAAs] cho văn chương Anh Ngữ/Đọc Viết [ELA] và môn toán được tổ chức từ lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAAs. Các mục của CAAs phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng).

Hệ thống CAASPP bao gồm các đánh giá và yêu cầu về sự tham gia của học sinh như sau:

1. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn ELA** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
2. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn Toán** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
3. **Bài Kiểm Tra Khoa học California (CAST) và CAA đối với môn Khoa học** cho học sinh lớp năm, lớp tám và một lần ở trường trung học (tức lớp 10, 11 hoặc 12).
4. **Sẵn sàng cho Đại học và Nghề nghiệp**  
Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

#### Báo cáo SARC trong năm học 2020 – 2021

Trong trường hợp có lựa chọn khả thi nhất, LEA phải thực hiện bài đánh giá tổng kết toàn tiểu bang cho môn ELA và Toán. Trong trường hợp đánh giá tổng kết trên toàn tiểu bang không phải là lựa chọn khả thi nhất cho LEA (hoặc cho một hoặc nhiều cấp lớp trong LEA) do tình hình dịch bệnh, LEA được phép báo cáo kết quả từ một kỳ thi đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí do Ủy ban Giáo dục Tiểu bang (SBE) thiết lập vào ngày 16 tháng 3 năm 2021. Các kỳ thi đánh giá phải:

- Phù hợp với Tiêu chuẩn cốt lõi chung của bang California cho môn ELA và Toán;
- Dành cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11; và
- Được quản lý thống nhất trên một cấp lớp, khoảng lớp, trường học hoặc khu học chánh đối với tất cả các học sinh đủ điều kiện.

#### Tùy chọn

Lưu ý rằng các kỳ thi đánh giá thay thế của bang California (CAA) chỉ có thể được thực hiện trực tiếp tuân theo các yêu cầu về sức khỏe và an toàn. Nếu LEA không thể thực hiện CAA trực tiếp với các hướng dẫn về sức khỏe và an toàn tại địa điểm thi, LEA được phép không thực hiện các bài kiểm tra. Không có tùy chọn đánh giá nào khác cho CAA. Các trường thực hiện bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn cho môn ELA và Toán, các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE hoặc kết hợp cả hai, và chỉ có thể chọn một trong những tùy chọn sau:

- Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán;
- Các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE; hoặc
- Kết hợp cả bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán và các bài đánh giá khác.

Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

## Phần trăm học sinh đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi trong CAASPP

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP cho môn ELA và Toán của tất cả học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 21 có giá trị N/A vì những dữ liệu này không thể so sánh với dữ liệu năm khác do đại dịch COVID-19 trong suốt năm học 2020 – 21. Trong trường hợp các kỳ thi CAASPP môn ELA và/hoặc Toán không phải là tùy chọn khả thi nhất, LEA được phép thực hiện các kỳ thi đánh giá nội bộ. Dữ liệu năm học 2020 – 21 trong dữ liệu các năm của trường, học khu và tiểu bang không phải không thích hợp để so sánh. Do đó việc so sánh kết quả của năm học 2020 – 21 với các năm học khác là không phù hợp.

Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Kết quả kỳ thi ELA và môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
<b>Văn Chương Anh Ngữ/Đọc Viết</b> (lớp 3-8 và lớp 11)	Không có thông tin	54	Không có thông tin	58	Không có thông tin	47
<b>Toán</b> (lớp 3-8 và lớp 11)	Không có thông tin	30	Không có thông tin	34	Không có thông tin	33

## 2021-22 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Kết quả kỳ thi ELA bao gồm Thảm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thảm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thảm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
<b>Bất kỳ học sinh</b>	475	441	92.84	7.16	53.74
<b>Nữ</b>	221	204	92.31	7.69	58.82
<b>Nam</b>	254	237	93.31	6.69	49.37
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	0	0	0.00	0.00	0.00
<b>Người gốc Châu Á</b>	213	206	96.71	3.29	67.96
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Phi Luật Tân</b>	25	22	88.00	12.00	63.64
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	216	196	90.74	9.26	37.24
<b>Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình</b>	--	--	--	--	--
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Da trắng</b>	--	--	--	--	--
<b>Sinh viên nói tiếng anh</b>	113	101	89.38	10.62	7.92
<b>Những đứa con nuôi</b>	0	0	0.00	0.00	0.00
<b>Vô gia cư</b>	--	--	--	--	--
<b>Quốc phòng</b>	0	0	0.00	0.00	0.00
<b>Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn</b>	251	233	92.83	7.17	51.07
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành</b>	0	0	0.00	0.00	0.00
<b>Học sinh khuyết tật</b>	44	37	84.09	15.91	8.11

## Kết quả kỳ thi CAASPP môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện

Kết quả kỳ thi môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
<b>Bất kỳ học sinh</b>	475	441	92.84	7.16	30.30
<b>Nữ</b>	221	204	92.31	7.69	26.73
<b>Nam</b>	254	237	93.31	6.69	33.33
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	0	0	0.00	0.00	0.00
<b>Người gốc Châu Á</b>	213	206	96.71	3.29	48.54
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Phi Luật Tân</b>	25	22	88.00	12.00	31.82
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	216	195	90.28	9.72	9.84
<b>Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình</b>	--	--	--	--	--
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Da trắng</b>	--	--	--	--	--
<b>Sinh viên nói tiếng anh</b>	113	101	89.38	10.62	5.94
<b>Những đứa con nuôi</b>	0	0	0.00	0.00	0.00
<b>Vô gia cư</b>	--	--	--	--	--
<b>Quốc phòng</b>	0	0	0.00	0.00	0.00
<b>Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn</b>	251	233	92.83	7.17	27.71
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành</b>	0	0	0.00	0.00	0.00
<b>Học sinh khuyết tật</b>	44	37	84.09	15.91	2.70

## Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh

Bảng này cho biết phần trăm học sinh lớp 5, 8 và học sinh trung học đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 2021 có giá trị N/T thể hiện rằng trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP môn Khoa học để đánh giá học sinh.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
<b>Khoa học</b> (lớp 5, lớp 8 và Trung học phổ thông)	NT	35	NT	37.64	28.5	29.47

## Kết quả kỳ thi CAASPP môn Khoa học theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và học sinh trung học. Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Nhóm Học sinh	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
<b>Bất kỳ học sinh</b>	837	761	90.92	9.08	35
<b>Nữ</b>	389	349	89.72	10.28	31.32
<b>Nam</b>	448	412	91.96	8.04	38.11
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	0	0	0	0	0
<b>Người gốc Châu Á</b>	382	361	94.5	5.5	50
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Phi Luật Tân</b>	47	40	85.11	14.89	35
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	372	330	88.71	11.29	17.88
<b>Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình</b>	--	--	--	--	--
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chung tộc</b>	12	10	83.33	16.67	--
<b>Người Da trắng</b>	18	16	88.89	11.11	37.5
<b>Sinh viên nói tiếng anh</b>	186	161	86.56	13.44	1.86
<b>Những đứa con nuôi</b>	0	0	0	0	0
<b>Vô gia cư</b>	17	17	100	0	11.76
<b>Quốc phòng</b>	0	0	0	0	0
<b>Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn</b>	455	409	89.89	10.11	32.6
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành</b>	0	0	0	0	0
<b>Học sinh khuyết tật</b>	64	52	81.25	18.75	3.92

## Chương trình Giáo dục Nghề nghiệp và Kỹ thuật năm học 2021 – 2022

Trường trung học phổ thông của chúng tôi cung cấp cho các em các khóa học để hỗ trợ học sinh sẵn sàng bước chân vào thị trường việc làm. Tất cả học sinh đều có thể tham gia các khóa học giáo dục nghề nghiệp và kỹ thuật (CTE, tiền thân là dạy nghề).

Khóa học/Chương trình bao gồm:

- Kỹ thuật
- Thiết kế Kiến trúc và Xây dựng Xanh
- Chương trình Học viện Kết nối Đại học (CCA) cho phép học sinh khối 11, 12 tham gia chương trình được học các lớp ở Evergreen Valley College (Đại học Evergreen Valley) vào thứ Ba và thứ Năm hàng tuần
- Chương trình Tiến lên bằng Quyết tâm Cá nhân (AVID)
- Chương trình Học sinh Lãnh đạo
- Học sinh cũng có thể tham gia chương trình Giáo dục Kỹ thuật Nghề nghiệp của Silicon Valley (SVCTE) ở 760 Hillsdale Avenue, San Jose, CA 95136. SVCTE cung cấp xe buýt cho học sinh đến trường và rời trường. Chương trình SVCTE cung cấp nhiều khóa học. Dưới đây là những khóa học mà học sinh YB tham gia:

Thiết kế Ứng dụng Di động

Trợ lý Nha khoa

Nghề nghiệp Khoa học Y khoa/Sức khỏe

Công nghệ Thuốc

Y khoa/Động học Thể thao

Hệ thống Sưởi, Thông gió và Điều hoà Không khí (HVAC)

Công nghệ Kim loại

Nghệ thuật Ẩm thực

An ninh mạng

Hoạt hình

Hành pháp

Khoa học Pháp y

Sản xuất Phim và Video

Kỹ thuật Internet

Khoa học Động vật Tích hợp

Khoa học về Lửa 1

Thiết kế Thời trang/Nghệ thuật Dệt may

Dịch vụ Ôtô Nâng cao

Cơ điện tử

-----

## Tham gia chương trình Giáo dục Nghề nghiệp và Kỹ thuật (CTE) năm học 2021 – 2022

Tiêu chuẩn Đo lường	Tham gia Chương trình CTE
Số Học Sinh Tham Gia CTE	373
Phần trăm học sinh hoàn tất một Chương trình CTE và có bằng tốt nghiệp trung học	61.1
Phần trăm khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc chuyển tiếp giữa trường học và các cơ sở giáo dục sau trung học cơ sở	

## Ghi danh khóa học/hoàn thành

Bảng này cho biết việc ghi danh khóa học/hoàn thành các yêu cầu nhập học của Đại học California (UC) và/hoặc Đại học Bang California (CSU).

Tiêu Chuẩn Đo Lường Khóa Học UC/CSU	Phần trăm
Các Học sinh Năm học 2021 – 2022 Ghi danh vào Các Khóa học Bắt buộc để Vào UC/CSU	98.65
Các Học sinh Tốt nghiệp Năm học 2020 – 2021 Đã Hoàn thành Tất cả Các Khóa học Bắt buộc để Vào UC/CSU	52.48

## B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

### Ưu tiên của Tiểu bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất.

## Kết quả kiểm tra thể chất bang California năm học 2021 – 2022

Bảng này trình bày tỷ lệ phần trăm học sinh tham gia vào từng thành phần trong năm thành phần thể chất của Kết quả kiểm tra thể chất bang California. Do những thay đổi đối với công tác quản lý PFT năm học 2021 – 2022, chỉ cần có kết quả tham gia cho năm lĩnh vực thể chất này. Tỷ lệ phần trăm không được tính toán và hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Cấp lớp	Thành phần 1: Năng lực hiếu khí	Thành phần 2: Sức mạnh thô và sức bền của cơ bụng	Thành phần 3: Chuyển động uốn thân mình về sau, Sức mạnh thô và sức dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh thô và sức bền của thân trên	Thành phần 5: Sức dẻo dai
Lớp 5	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Lớp 7	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Lớp 9	91%	87%	88%	90%	89%

## C. Tham Gia

### Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3): Các nỗ lực của học khu nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho học khu và mỗi địa điểm trường.

## Cơ hội tham gia của phụ huynh năm học 2022 – 2023

Thông qua sự tham gia của phụ huynh, cộng đồng học tập của nhà trường nỗ lực thiết lập các phương pháp và kỳ vọng nhằm khuyến khích mối quan hệ cá nhân và sự chú ý riêng đến từng học sinh. Mỗi năm học đều có từ năm cuộc họp phụ huynh tổng quát trở lên, với trọng tâm xoay quanh gia đình và trường học. Ngoài ra, các bậc phụ huynh được chọn lọc tham gia Hội đồng Cơ sở Trường học, Ủy ban Cố vấn Học viên Tiếng Anh (ELAC) và Ủy ban Cố vấn Học viên Tiếng Anh của Học khu (DELAC). Trong năm học 2022 – 2023, chúng tôi vui mừng thông báo về việc thành lập nhóm Liên minh phụ huynh YBHS. Sự mệnh của

## Cơ hội tham gia của phụ huynh năm học 2022 – 2023

họ là Đội quân Ủng hộ cho cộng đồng nhà trường chúng ta. Nhóm này có nhiều sáng kiến lên kế hoạch như khám phá chuyên ngành đại học và con đường sự nghiệp, sự kiện gây quỹ xã hội, hội thảo trang bị kiến thức về an toàn và hội thảo gia đình nhằm thu hẹp khoảng cách thế hệ, kích lệ giao tiếp trong gia đình và sức khỏe tinh thần của học sinh, cùng các sự kiện tri ân Giáo viên, Nhân viên và Quản trị viên. Ngoài các cuộc họp, nhà trường nỗ lực tổ chức các sự kiện xã hội cho phụ huynh để họ có thể bắt đầu hợp tác với nhau để trợ giúp lẫn nhau. Các cuộc họp thường trực cho phụ huynh bao gồm:

Hội đồng Cơ sở Trường học: Mỗi tháng một lần  
ELAC: Mỗi tháng một lần  
DELAC: Mỗi tháng một lần  
Họp Gắn kết Phụ huynh: 4 lần một năm.  
Cà phê cùng Hiệu trưởng: 7 lần một năm.  
Đêm tựu trường: Hai lần một năm  
Trung tâm Phụ huynh: Luôn mở cửa

Để biết thêm thông tin về cách tham gia cùng Yerba Buena, vui lòng liên hệ với cơ sở chính theo số (408) 347-4716 hoặc (408) 347-4717.

## C. Tham Gia

### Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh (Ưu Tiên 5):

- Tỷ lệ học sinh trung học phổ thông bỏ học;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học; và
- Vắng mặt Kéo dài

## Tỷ Lệ Bỏ Học và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp (Tỷ Lệ Đoàn Hệ Bốn Năm)

Chỉ báo	Trung học 2019-20	Trung học 2020-21	Trung học 2021-22	Học khu 2019-20	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2019-20	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Tỷ Lệ Bỏ Học		10.3	8.7		14.5	13.6		8.9	7.8
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp		85.7	87.3		78.4	81.5		84.2	87



## Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh (tỷ lệ theo niên khóa bốn năm) năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022. Để biết thông tin về Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa bốn năm đã điều chỉnh (ACGR), vui lòng truy cập trang web Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa đã điều chỉnh của CDE tại [www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp](http://www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp).

Nhóm Học sinh	Số trong niên khóa	Số tốt nghiệp trong niên khóa	Tỷ lệ tốt nghiệp Tỷ Lệ Tốt Nghiệp
<b>Bất kỳ học sinh</b>	393	343	87.3
<b>Nữ</b>	178	160	89.9
<b>Nam</b>	215	183	85.1
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	0	0	0.0
<b>Người gốc Châu Á</b>	176	167	94.9
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi</b>	0	0	0.0
<b>Người Phi Luật Tân</b>	25	21	84.0
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	175	141	80.6
<b>Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình</b>	0	0	0.0
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chứng tộc</b>	--	--	--
<b>Người Da trắng</b>	11	8	72.7
<b>Sinh viên nói tiếng anh</b>	115	83	72.2
<b>Những đứa con nuôi</b>	--	--	--
<b>Vô gia cư</b>	--	--	--
<b>Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn</b>	327	285	87.2
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho</b>	0	0	0.0
<b>Học sinh khuyết tật</b>	41	19	46.3

## Tình trạng vắng mặt thường xuyên theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Nhóm Học sinh	Ghi danh tích lũy	Vắng mặt thường xuyên đủ điều kiện ghi danh	Số lần vắng mặt	Tỷ lệ vắng mặt kinh niên
Bất kỳ học sinh	1802	1770	361	20.4
Nữ	871	858	180	21.0
Nam	931	912	181	19.8
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	2	2	1	50.0
Người gốc Châu Á	739	730	51	7.0
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	16	16	6	37.5
Người Phi Luật Tân	85	85	17	20.0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	898	876	265	30.3
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	5	5	3	60.0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chứng tộc	26	26	8	30.8
Người Da trắng	31	30	10	33.3
Sinh viên nói tiếng anh	516	494	125	25.3
Những đứa con nuôi	4	4	3	75.0
Vô gia cư	39	36	16	44.4
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	1272	1250	281	22.5
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	1	1	1	100.0
Học sinh khuyết tật	199	194	67	34.5

### C. Tham Gia

#### Ưu tiên của Tiểu bang: Không Khí Nhà Trường

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn.

## Đình Chỉ và Đuổi Học

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 2 năm sau, một phần của năm học do đại dịch COVID-19. Các dữ liệu về tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học không được so sánh với dữ liệu của các năm khác do năm học 2019 – 20 chỉ diễn ra một phần vì dịch COVID-19. Do đó, việc so sánh tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học trong năm học 2019 – 20 với các năm trước là không phù hợp.

Môn học	Trường 2019-20	Học khu 2019-20	Tiểu bang 2019-20
Đình chỉ	3.45	2.87	2.45
Đuổi học	0.05	0.03	0.05

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 6 năm sau, tương ứng với một năm học.

Dữ liệu được thu thập trong năm học 2020 – 2021 sẽ không so sánh được với những năm học trước do sự khác biệt trong phương thức học tập để đối phó với đại dịch COVID-19.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Đình chỉ	0.00	2.50	0.03	3.41	0.20	3.17
Đuổi học	0.00	0.00	0.00	0.08	0.00	0.07

## Tình trạng đình chỉ và buộc thôi học theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Nhóm Học sinh	Tỷ lệ Học sinh Bị đình chỉ	Tỷ lệ Học sinh Bị đuổi học
Bất kỳ học sinh	2.50	0.00
Nữ	2.07	0.00
Nam	2.90	0.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.00	0.00
Người gốc Châu Á	0.68	0.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	25.00	0.00
Người Phi Luật Tân	2.35	0.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	3.67	0.00
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	0.00	0.00
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	0.00	0.00
Người Da trắng	3.23	0.00
Sinh viên nói tiếng anh	3.29	0.00
Những đứa con nuôi	0.00	0.00
Vô gia cư	2.56	0.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	2.59	0.00
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	5.03	0.00

## Kế hoạch đảm bảo an toàn trong trường học năm học 2022 – 2023

Ủy ban An toàn Yerba Buena High School đã xây dựng một kế hoạch an toàn của nhà trường và theo dõi việc triển khai kế hoạch. Kế hoạch bao trùm mọi khía cạnh cho tất cả học sinh và nhân viên, từ phòng tránh bạo lực đến chuẩn bị sẵn sàng trước tình huống động đất. Kế hoạch an toàn của nhà trường được bộ phận quản trị trường học, lãnh đạo các bộ phận và hội đồng cơ sở trường học cập nhật và tái xét hàng năm. Có một yếu tố quan trọng trong kế hoạch này, đó là tổ chức Hội đồng An toàn của Phụ huynh và Cộng đồng ở cấp học khu. Thông tin chia sẻ ở các buổi họp này hỗ trợ việc cập nhật các vấn đề an toàn ở cấp cơ sở.-----

## 2019-20 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2019-20. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	26	19	49	9
Toán	30	6	31	14
Khoa học	30	5	28	19
Khoa học Xã hội	28	8	30	15

## 2020-21 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2020 – 2021. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	26	25	40	13
Toán	29	10	29	13
Khoa học	28	10	38	8
Khoa học Xã hội	26	16	28	10

## 2021-22 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2021-22. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	25	19	56	1
Toán	26	16	32	10
Khoa học	26	15	30	9
Khoa học Xã hội	27	10	31	9

## Tỷ lệ học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết tỷ lệ học sinh được phân cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Tỷ lệ
Học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm	339.6

## Nhân viên hỗ trợ học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được chỉ định cho trường. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Số FTE được chỉ định cho Trường
Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề Nghiệp)	5.0
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Thủ Thư)	0.4
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (Bán Chuyên)	
Nhà Tâm Lý Học	
Nhân viên Xã hội	2.0
Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác	
Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy)	

## Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên trung bình năm học 2020 – 2021 của trường. Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị Không có thông tin.

Loại	Tổng Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh	Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh (Giới Hạn)	Trong Dự Trù Ngân Sách Mỗi Học Sinh (Không Giới Hạn)	Lương Trung bình Của Giáo Viên
Tên trường	\$9,729	\$2,196	\$7,534	\$87,810
Học khu	Không có thông tin	Không có thông tin	\$7,916	\$100,753
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	-4.9	-13.7
Tiểu bang	Không có thông tin	Không có thông tin	\$6,594	\$94,126
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	13.3	-6.9

## Các loại dịch vụ được tài trợ năm học 2021 – 2022

- Thu thập dữ liệu để xác định học sinh là (Cốt lõi, Chiến lược hoặc Chuyên sâu)
- Tiếp tục triển khai Cộng đồng Học tập Chuyên nghiệp (PLC)
- Chương trình can thiệp Cố vấn Học viên Tiếng Anh (ELA) có tên Read 180
- Triển khai các chương trình hỗ trợ học tập sau giờ học
- Triển khai kỹ thuật hướng dẫn từ từ và phân hoá theo sáng kiến Ngôn ngữ Học thuật của học khu
- Tiếp tục triển khai Chương trình Thứ Bảy Học tập và Can thiệp Phục hồi theo Đạo luật Người Mỹ Khuyết tật (ADA)
- Cung cấp dịch vụ hỗ trợ toàn diện cho phụ huynh và học sinh
- Chương trình Tiến lên bằng Quyết tâm Cá nhân (AVID)
- Chương trình College Connection Academy (Học viện Kết nối Đại học)
- Chương trình Học sinh Lãnh đạo
- Hội đồng Học sinh Bình đẳng
- Thụ trợ viện của Học sinh
- Tỷ lệ cố vấn – học sinh thấp hơn
- Dịch vụ hỗ trợ và dạy đọc viết cho phụ huynh
- Bổ sung công nghệ giảng dạy

## Lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết mức lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2020 – 2021. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Mạng về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Hạng mục	Học khu Học Khu	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Học Khu Trong Cùng Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$61,991	\$55,947
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$97,975	\$90,080
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$125,613	\$117,121
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học)		
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở)		\$146,364
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học)	\$158,501	\$164,633
Mức Lương của Giám Đốc Học Khu	\$292,671	\$261,984
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	34%	31%
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chính	3%	5%

## Khóa học cho Lớp nâng cao (AP) năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết phần trăm học sinh trong các khóa học AP tại trường.

Phần Trăm Học Sinh Tham Gia các Khóa Học AP	31.4
---	------

Bảng này cho biết số lượng các khóa học AP được cung cấp tại trường có ít nhất một học sinh đăng ký khóa học.

Môn học	Số Các Khóa Học AP được Cung Cấp
Khoa Học Máy Tính	1
Tiếng Anh	10
Mỹ thuật và Nghệ Thuật Trình Diễn	3
Ngoại ngữ	1
Toán	6
Khoa học	2
Khoa học Xã hội	15
<b>Tổng số khóa học AP đã cung cấp</b>	<b>38</b>

Trường hợp có tối thiểu một học sinh đăng ký khóa học.

## Phát triển Chuyên môn

Yerba Buena High School có 140 phút thời gian hợp tác mỗi tuần vào gần như tất cả các ngày thứ Tư. Cơ hội phát triển chuyên môn cho đội ngũ nhân viên được triển khai thông qua PLC và lãnh đạo PLC: Đa dạng và có liên kết rõ ràng, nhất quán với tiêu chuẩn của tiểu bang, mục tiêu của học khu và giá trị cốt lõi của nhà trường, đồng thời diễn ra trong năm học và thời gian nghỉ hè. Nhà trường có kế hoạch nhất quán, toàn diện để phát triển chuyên môn, dựa trên dữ liệu và trực tiếp đi liền với công tác dạy và học. Thường xuyên tổ chức các cuộc họp toàn bộ phận và toàn trường để giáo viên có thể tiếp tục phát triển chuyên môn, nhằm hỗ trợ nỗ lực trên toàn trường để điều chỉnh chương trình học phù hợp với tiêu chuẩn nội dung nghiêm ngặt của tiểu bang, cũng như hỗ trợ giảng dạy cho hoạt động đọc viết và phân hóa học sinh theo trình độ, từ đó đảm bảo tất cả các em đều có thể đạt thành tích.

Để đảm bảo một chu kỳ cải tiến liên tục, phát triển chuyên môn được cá nhân hoá để giải quyết nhu cầu của tất cả giáo viên bộ môn, nhân viên và quản trị viên. Hoạt động phát triển chuyên môn cho giáo viên không chỉ phản ánh biện pháp tốt nhất có thể thực hiện, mà việc này cũng phù hợp với Tiêu chuẩn của California về Nghề giáo. Giáo viên và nhân viên tham gia phát triển chuyên môn phù hợp với lĩnh vực cá nhân của mình và kế hoạch của học khu ở các cấp độ khác nhau.

Bảng này cho biết số ngày đến trường dành riêng cho sự phát triển và tiến bộ không ngừng của nhân viên.

Môn học	2020-21	2021-22	2022-23
<b>Số ngày trong năm học được dành cho việc Phát Triển và Nâng cao Chuyên Môn Thường Xuyên</b>	31	29	23